

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 21 - 6 - 2022
“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu Trang**

2. Bà **Trần Thị Mộng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị N Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGD, ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã T H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang;

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Đ H, huyện A M, tỉnh Kiên Giang;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp K M, xã H Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang;

(Chị N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Huỳnh Thị Mỹ N trình bày như sau:

Chị N và T sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/12/2010.

Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, hay cự cãi, bất đồng không hợp nhau, vợ chồng lạnh nhạt không ai quan tâm đến ai, lâu ngày dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng nữa, nên tôi quyết định xin ly hôn

Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 26/07/2017 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/12/2010 chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bảo N và đồng ý giao cháu Minh V cho anh T nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Theo kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân chị N và anh T có mâu thuẫn là đời sống chung vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 26/07/2017 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/12/2010, hiện nay cháu N sống chung với mẹ và cháu V sống chung với cha.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị N và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị

đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị N được ly hôn với anh T; Về con chung: Có 02 người con chung Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 26/07/2017 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/12/2010; giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V (theo nguyện vọng cháu V) cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[3] Về nội dung vụ án: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/12/2010, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, không thể hiện hiện ý chí hàn gắn hôn nhân, vợ chồng đã tự ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan tâm chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 26/07/2017 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/12/2010, chị N xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và đồng ý tiếp tục giao cháu V cho anh T. Cháu V có nguyện vọng được sống chung với anh T. Anh T cũng đồng ý nhận nuôi cháu V. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 26/07/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/12/2010 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Chị N xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Huỳnh Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 26/07/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 23/12/2010 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, tuy nhiên anh, chị không được lạm dụng

quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Mỹ N có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0007374 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn(V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm